

Bản án số: 101/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Nam.

2. Bà Mai Thị Nhắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 314/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Ấp AT, xã AN, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Hoát Văn A, sinh năm: 1981.

Đăng ký thường trú: Ấp AT, xã AN, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: Số 95/6, khu phố T, thị trấn MC, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Chị và anh Hoát Văn A tự quen biết, qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AN, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/5/2007. Sau khi thành hôn, anh chị sống tại ấp AT, xã AN. Chị và anh A chung sống hạnh phúc được khoảng 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cuộc sống, anh A thường xuyên nhậu về kiếm chuyện chửi mắng chị, anh chị hay cãi nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ tháng 12/2017, chị về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Trong thời gian ly thân, chị và anh A cũng có

trao đổi về những mâu thuẫn nhằm hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên chị xin ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị và anh A có hai con chung tên Hoát Thị Mỹ V, sinh ngày: 29/9/2008 và Hoát Thị Mỹ N, sinh ngày: 27/12/2017, hiện tại các con đang sống cùng với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con và không yêu cầu anh A cấp dưỡng cho các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh A không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Hoát Văn A trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị Nguyễn Thị Mỹ L về quá trình tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, đôi lúc anh chị cũng có cãi nhau nhưng đó là những mâu thuẫn nhỏ, không đến mức trầm trọng. Do nhà nhỏ chật hẹp nên khi chị L sinh cháu N thì anh để chị và các con về nhà cha mẹ chị sống cho đến nay, hai nhà ở gần nhau nên anh thường xuyên qua lại chăm sóc vợ con, giữa anh chị không có thời gian sống ly thân. Hiện tại, các con của anh chị còn nhỏ, anh vẫn còn rất yêu thương vợ con và muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm để cùng chăm lo các con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị L có hai con chung như chị L trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý để chị L tiếp tục nuôi dưỡng hai con, anh không cấp dưỡng cho các con nhưng sẽ chăm lo cho các con theo khả năng của mình.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị L không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:
 - + Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.
 - + Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cụ thể:
 - + Về quan hệ hôn nhân: Chị L được ly hôn với anh A.
 - + Về con chung: Chị L được quyền nuôi dưỡng con chung là Hoát Thị Mỹ V và Hoát Thị Mỹ N sau khi ly hôn.
 - + Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị L không yêu cầu anh A cấp dưỡng cho các con nên ghi nhận.
 - + Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh A cùng trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Nguyễn Thị Mỹ L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn giữa chị với anh Hoát Văn A có nơi cư trú tại huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Hoát Văn A tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AN, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/5/2007 nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh A được xem là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị L cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh A không hạnh phúc do anh chị có sự khác biệt về quan điểm sống, anh A thường xuyên nhậu về kiếm chuyện chửi mắng chị, anh chị thường xuyên cãi nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 12/2017 đến nay, chị và anh A sống ly thân, anh chị cũng tìm giải pháp nhằm hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành. Anh An cho rằng trong cuộc sống hôn nhân đôi lúc anh chị có cãi nhau nhưng đó là những mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng. Anh An muốn chị L cho anh thêm cơ hội để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ vì anh còn thương yêu chị L, muốn các con có đủ tình thương của cha mẹ nhưng chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống hôn nhân và tại phiên tòa chị L vẫn cương quyết xin ly hôn với anh A, anh A không đồng ý ly hôn nhưng không có giải pháp nhằm hàn gắn đoàn tụ. Từ đó, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh A đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, cụ thể: Chị L được ly hôn với anh A.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh A trình bày có hai con chung tên Hoát Thị Mỹ V, sinh ngày: 29/9/2008 và Hoát Thị Mỹ N, sinh ngày: 27/12/2017. Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn.

Xét thấy, hiện tại cháu N còn nhỏ, cháu V khi được Tòa án lấy ý kiến thì có nguyện vọng được sống cùng chị L sau khi chị L và anh A ly hôn, ý kiến của cháu V là tự nguyện, không bị ai ép buộc; bên cạnh đó, các cháu sống cùng với chị L từ khi chị L và anh A không còn sống chung cho đến nay. Chị L cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng các con. Đồng thời, anh A cho rằng trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý giao các con cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo cuộc sống không bị thay đổi, các con được sống cùng nhau và sự phát triển

bình thường của các con cả về thể chất lẫn tinh thần nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao con chung là Hoát Thị Mỹ V và Hoát Thị Mỹ N cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị L không yêu cầu anh A cấp dưỡng cho các con nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh A cùng trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị L là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với anh Hoát Văn A.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Hoát Văn A có hai con chung tên Hoát Thị Mỹ V, sinh ngày: 29/9/2008 và Hoát Thị Mỹ N, sinh ngày: 27/12/2017.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Mỹ L được quyền tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hoát Thị Mỹ V và Hoát Thị Mỹ N.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Mỹ L không yêu cầu anh Hoát Văn A cấp dưỡng cho các con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, chị Nguyễn Thị Mỹ L, anh Hoát Văn A hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Nguyễn Thị Mỹ L, anh Hoát Văn A có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Hoát Văn A không tranh chấp tài sản chung nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Hoát Văn A không có nợ chung nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003897 ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Chị Nguyễn Thị Mỹ L đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã AN;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân